

*Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2012*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về việc ban hành Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo ở Đại học Quốc gia Hà Nội**

#### **GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

Căn cứ Nghị định số 07/2001/NĐ-CP, ngày 01/02/2001 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quy chế về Tổ chức và Hoạt động của Đại học Quốc gia ban hành theo Quyết định số 16/2001/QĐ-TT, ngày 12/02/2001 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy định về Tổ chức và Hoạt động của Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 600/TCCB, ngày 01/10/2001 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 3079/QĐ-ĐHQGHN, ngày 26/4/2010 và Quy chế đào tạo sau đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 1555/QĐ-ĐHQGHN, ngày 25/5/2011 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này văn bản “*Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo ở Đại học Quốc gia Hà Nội*”.

**Điều 2:** Chánh Văn phòng, Trưởng các ban chức năng và Thủ trưởng các đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- Như điều 2;
- Lưu: VT, ĐT, T50.

*(Đã kí)*

**GS.TS. Mai Trọng Nhuận**

## QUY ĐỊNH VỀ MỞ MỚI VÀ ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO Ở ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1366/QĐ-ĐHQGHN, ngày 25 tháng 04 năm 2012  
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

### Chương I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo ở ĐHQGHN gồm: trường đại học thành viên, trung tâm, viện nghiên cứu, khoa trực thuộc (sau đây gọi tắt là đơn vị).

2. Quy định này áp dụng cho việc mở mới và điều chỉnh các chương trình đào tạo đại học và sau đại học gồm:

a) Mở chương trình đào tạo chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN)

- Đối với các ngành/chuyên ngành có tên trong Danh mục ngành/chuyên ngành đào tạo của Nhà nước: đơn vị xây dựng **Đề án mở chương trình đào tạo**.

- Đối với các ngành/chuyên ngành không có tên trong danh mục nói trên: đơn vị xây dựng **Đề án mở chương trình đào tạo thí điểm**.

- Đối với các chương trình đào tạo mang tính tổng hợp kiến thức khoa học của nhiều ngành/chuyên ngành thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, liên quan đến nhiều đơn vị trong và ngoài ĐHQGHN: đơn vị xây dựng **Đề án mở chương trình đào tạo liên ngành** (đã có trong Danh mục ngành/chuyên ngành đào tạo của Nhà nước) hoặc **Đề án mở chương trình đào tạo liên ngành thí điểm** (chưa có trong Danh mục ngành/chuyên ngành đào tạo của Nhà nước).

b) Điều chỉnh các chương trình đào tạo đã được ban hành và đã được triển khai trong thực tế, để cập nhật nội dung phù hợp hơn với sự phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và kỹ thuật hiện đại.

3. Quy định này không áp dụng cho các chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế, chương trình đào tạo liên kết quốc tế. Các chương trình đào tạo đặc biệt có quy định riêng của Giám đốc ĐHQGHN.

## **Chương II**

### **MỞ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO MỚI**

#### **Điều 2. Nguyên tắc mở chương trình đào tạo mới**

Việc mở chương trình đào tạo mới phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành mới có nhu cầu xã hội cao, đã được điều tra khảo sát, có dự báo nhu cầu nguồn nhân lực trước mắt và lâu dài, có hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu của sự phát triển kinh tế-xã hội;

2. Đảm bảo tính hệ thống và liên thông giữa chương trình đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ trong kế hoạch tổng thể phát triển ngành, chuyên ngành;

3. Ưu tiên xây dựng các ngành/chuyên ngành có tính liên ngành, độc đáo, phát huy thế mạnh của các đơn vị; thúc đẩy liên thông, liên kết trong ĐHQGHN; hợp tác với các viện nghiên cứu, các doanh nghiệp và các cơ sở sử dụng người học sau tốt nghiệp;

4. Phù hợp với quy hoạch tổng thể trong đào tạo, kế hoạch phát triển ngành/chuyên ngành và sứ mệnh, chức năng, nhiệm vụ, gắn liền với việc thực hiện chiến lược phát triển của đơn vị và của ĐHQGHN; có vai trò thí điểm tiên phong cho hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam; không trùng với các ngành/chuyên ngành thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ do các đơn vị khác trong ĐHQGHN đang làm đầu mối phụ trách;

5. Khi đề xuất mở chương trình đào tạo mới, các đơn vị căn cứ vào Danh mục ngành/chuyên ngành đào tạo của Nhà nước hiện hành. Nếu ngành/chuyên ngành mới chưa có trong Danh mục nói trên, Đề án mở chương trình đào tạo cần có phần luận cứ khoa học về ngành/chuyên ngành đào tạo mới; thực tiễn và kinh nghiệm đào tạo của một số nước trên thế giới, kèm theo chương trình đào tạo tham khảo của ít nhất 2 trường đại học đã được kiểm định ở nước ngoài; khả năng đưa vào Danh mục ngành/chuyên ngành đào tạo của Nhà nước; đề xuất phương án về mã số của ngành/chuyên ngành sau thời hạn đào tạo thí điểm trên cơ sở trao đổi với Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Xây dựng chương trình theo chuẩn đầu ra gồm các bước: Điều tra nhu cầu và hình thành ý tưởng - Xây dựng chương trình - Tiến hành thử nghiệm - Triển khai đại trà (Conceive - Design - Implement – Operate, gọi tắt là CDIO);

7. Phù hợp với các tiêu chí kiểm định chất lượng chương trình đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng hiện có, trong đó có khả năng chuyên môn của đội ngũ giảng viên, khả năng bổ sung nguồn lực thực hiện của ĐHQGHN và của từng đơn vị; có khả năng khai thác được nguồn lực của doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị, các nhà tài trợ cũng như các nguồn vốn ngoài ngân sách và các khả năng xã hội hóa khác;

8. Ưu tiên mở ngành/chuyên ngành mới nhưng không tăng quy mô tuyển sinh chung của đơn vị và có khả năng thu hút tốt nguồn lực xã hội;

9. Ưu tiên đầu tư, phát triển các điều kiện đảm bảo chất lượng, đặc biệt là đội ngũ giảng viên, hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo, tài chính... trên cơ sở huy động, tích hợp các nguồn lực hợp pháp trước khi triển khai đào tạo ngành, chuyên ngành. Tập trung đầu tư nguồn lực cho việc xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo thuộc diện ưu tiên;

10. Phát huy được hiệu quả của hợp tác quốc tế để xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo, nhanh chóng đạt chuẩn quốc tế;

11. Dựa vào một chương trình đào tạo của trường đại học có uy tín cao trên thế giới (trong nhóm 200 trường đại học tốt nhất trên thế giới theo bảng xếp hạng của THES, QS hoặc tương đương), hoặc các chương trình đào tạo được hệ thống kiểm định quốc tế đánh giá cao (chương trình đào tạo trong top 20 chương trình hàng đầu thế giới), bổ sung các môn học theo yêu cầu bắt buộc của các bộ ngành liên quan, của ĐHQGHN và các môn học, nội dung đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội và theo chuẩn đầu ra được xác định bằng phương pháp CDIO; điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

### **Điều 3. Điều kiện chung để mở chương trình đào tạo**

1. Đáp ứng các yêu cầu, nguyên tắc nêu tại Điều 2 của Quy định này;
2. Thủ trưởng đơn vị có quyết tâm cao được thể hiện bằng cam kết trong việc xây dựng và thực hiện Đề án mở chương trình đào tạo;
3. Có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo ngành/chuyên ngành đào tạo, cụ thể:

a) Đơn vị có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm với các trang thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu của ngành/chuyên ngành đề nghị được đào tạo;

b) Thư viện của ĐHQGHN và của đơn vị có đủ nguồn thông tin tư liệu (giáo trình, bài giảng, tóm tắt bài giảng, sách, tạp chí trong và ngoài nước và các tài liệu cần thiết khác) được cập nhật đầy đủ tới thời điểm xây dựng đề án, thư viện điện tử có thể liên kết với các đơn vị cùng lĩnh vực, cùng chuyên ngành đào tạo trong và ngoài nước, đáp ứng yêu cầu dạy, học các môn học, chuyên đề trong chương trình đào tạo và thực hiện đề tài khóa luận, luận văn, luận án;

c) Đơn vị có trang web được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, công khai thu chi tài chính;

d) Có hệ thống tổ chức và quản lý đào tạo theo chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo;

4. Có nguồn nhân lực và nguồn tài chính phù hợp để thực hiện chương trình đào tạo;

5. Không vi phạm các quy định hiện hành về tuyển sinh, tổ chức, quản lý đào tạo và các quy định liên quan khác của pháp luật trong vòng 3 năm tính đến ngày đơn vị đề nghị mở chương trình đào tạo.

#### **Điều 4. Điều kiện mở chương trình đào tạo chuẩn ĐHQGHN**

##### **1. Điều kiện mở chương trình đào tạo đại học**

a) Đáp ứng các điều kiện chung quy định tại Điều 3 quy định này;

b) Có đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm nhận giảng dạy tối thiểu 70% khối lượng của chương trình đào tạo, trong đó có ít nhất 01 giảng viên có trình độ tiến sĩ và 03 giảng viên có trình độ thạc sĩ đúng ngành đăng kí;

c) Có các công trình xây dựng phục vụ hoạt động giải trí, thể thao, văn hoá và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ, giảng viên và sinh viên.

##### **2. Điều kiện mở chương trình đào tạo thạc sĩ**

a) Có đơn vị thuộc ĐHQGHN đã đào tạo trình độ đại học chính quy ngành tương ứng hoặc nhóm ngành tương ứng (đối với chuyên ngành mang tính liên ngành) với chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và có ít nhất 2 khóa sinh

viên đã tốt nghiệp, trừ trường hợp các chuyên ngành đào tạo đặc thù không đào tạo cử nhân.

b) Có đội ngũ giảng viên cơ hữu của ĐHQGHN đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành đào tạo, cụ thể:

- Giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên thuộc ĐHQGHN đảm nhận việc giảng dạy ít nhất 80% khối lượng chương trình đào tạo, trong đó có ít nhất một nửa là cán bộ cơ hữu của đơn vị;

- Có ít nhất 6 giảng viên (trong đó có ít nhất một nửa là cán bộ cơ hữu của đơn vị, số còn lại thuộc các đơn vị của ĐHQGHN) đáp ứng các yêu cầu: có bằng tiến sĩ đúng với chuyên ngành đào tạo xin mở; có ít nhất 3 công trình nghiên cứu khoa học phù hợp với chuyên ngành đào tạo đã công bố trên các tạp chí khoa học có phản biện độc lập, có uy tín ở trong nước hoặc nước ngoài trong vòng 5 năm tính đến khi lập hồ sơ mở chương trình;

c) Đơn vị đào tạo có năng lực, kinh nghiệm trong nghiên cứu khoa học ở lĩnh vực chuyên ngành đề nghị được đào tạo;

d) Có đơn vị quản lý chuyên trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ quản lý hoạt động đào tạo trình độ thạc sĩ.

### 3. Điều kiện mở chương trình đào tạo tiến sĩ

a) Có đơn vị thuộc ĐHQGHN đã đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành tương ứng với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ và có ít nhất 2 khóa học viên đã tốt nghiệp;

b) Có đội ngũ giảng viên cơ hữu của ĐHQGHN đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành đào tạo, cụ thể:

- Có khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, có khả năng phát hiện vấn đề nghiên cứu, hướng dẫn, chỉ đạo nghiên cứu sinh xây dựng đề cương nghiên cứu đề tài luận án, hướng dẫn nghiên cứu sinh thực hiện đề tài luận án, viết luận án và tham gia Hội đồng chấm luận án;

- Có ít nhất 1 phó giáo sư hoặc giáo sư và 5 tiến sĩ, trong đó có ít nhất 1 phó giáo sư hoặc giáo sư và 2 tiến sĩ là cán bộ cơ hữu của đơn vị, số còn lại thuộc các đơn vị của ĐHQGHN đáp ứng các yêu cầu: có chuyên ngành đúng với chuyên ngành đào tạo xin mở; có ít nhất 3 công trình nghiên cứu khoa học phù hợp với chuyên ngành đào tạo đã công bố trên các tạp chí khoa học có phản biện

độc lập, có uy tín ở trong nước hoặc nước ngoài trong vòng 5 năm tính đến khi lập hồ sơ mở chương trình;

- Có đủ khả năng và điều kiện để thành lập hội đồng đánh giá luận án và tổ chức đánh giá luận án;

c) Đơn vị đào tạo đã thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học thuộc đề tài khoa học cấp nhà nước, bộ, ngành, tỉnh, thành phố hoặc thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học có chất lượng cao (hoặc tương đương); có kinh nghiệm trong đào tạo, bồi dưỡng những người làm công tác nghiên cứu khoa học; thường xuyên tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học chuyên ngành;

d) Đã hợp tác với các trường đại học trên thế giới về đào tạo và hoạt động khoa học, công nghệ;

e) Có đơn vị quản lý chuyên trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ quản lý hoạt động đào tạo trình độ tiến sĩ.

#### **Điều 5. Điều kiện mở chương trình đào tạo thí điểm**

1. Điều kiện mở chương trình đào tạo thí điểm được áp dụng theo quy định tại Điều 4 của văn bản này.

2. Đặc thù của chương trình đào tạo thí điểm: Yêu cầu về đội ngũ cán bộ đúng ngành/chuyên ngành đào tạo có thể được thay thế bằng những người có chuyên môn phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo.

#### **Điều 6. Điều kiện mở chương trình đào tạo liên ngành**

1. Các loại chương trình đào tạo liên ngành

a) Chương trình đào tạo liên ngành liên quan tới nhiều ngành, lĩnh vực thuộc các khoa hoặc bộ môn khác nhau của cùng một đơn vị (*chương trình liên ngành cấp đơn vị*). Với chương trình loại này, thủ trưởng đơn vị quyết định phân công cho một khoa/bộ môn làm đầu mối (*đơn vị thường trực của chương trình*) và các khoa/bộ môn liên quan phối hợp (*đơn vị phối hợp*) để xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo.

b) Chương trình đào tạo liên ngành liên quan tới nhiều ngành, lĩnh vực thuộc các đơn vị khác nhau trong (và ngoài) ĐHQGHN (*chương trình liên ngành cấp ĐHQGHN*). Với loại chương trình này, Giám đốc ĐHQGHN quyết định phân công cho một đơn vị phù hợp làm *đơn vị thường trực của chương trình* và các đơn vị liên quan làm *đơn vị phối hợp* để xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo.

## 2. Điều kiện mở chương trình đào tạo liên ngành

a) Điều kiện mở chương trình đào tạo liên ngành được áp dụng theo quy định tại Điều 4 của văn bản này.

b) Các đặc thù của chương trình đào tạo liên ngành cấp ĐHQGHN:

- Đơn vị thường trực của chương trình thực hiện trách nhiệm của đơn vị trong quy trình xây dựng chương trình;

- Được phép sử dụng nguồn lực của các đơn vị phù hợp trong toàn ĐHQGHN vào điều kiện mở chương trình;

- Yêu cầu về đội ngũ cán bộ đúng ngành/chuyên ngành đào tạo có thể được thay thế bằng những người có chuyên môn phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo.

### **Điều 7. Hồ sơ thẩm định đề án mở chương trình đào tạo**

1. Hồ sơ (gồm cả bản in trên giấy và bản điện tử trên đĩa CD) đề nghị thẩm định Đề án mở chương trình đào tạo (gọi tắt là hồ sơ Đề án) gồm:

a) Tờ trình đề nghị mở chương trình đào tạo của Thủ trưởng đơn vị, trong đó có cam kết của đơn vị đảm bảo các nguồn lực thực hiện chương trình đào tạo.

b) 10 quyển Đề án mở chương trình đào tạo (theo Phụ lục 1);

c) 10 quyển Chương trình đào tạo (theo Phụ lục 2);

d) 10 quyển Đề cương môn học (theo Phụ lục 3);

e) 1 quyển hồ sơ cán bộ tham gia giảng dạy, bao gồm: Lí lịch khoa học (theo Phụ lục 5 - Mẫu 1), bản sao văn bằng cao nhất của các cán bộ tham gia đào tạo. Với các cán bộ không thuộc biên chế của đơn vị cần có thêm văn bản đồng ý tham gia đào tạo (theo Phụ lục 5 - Mẫu 2);

g) Biên bản buổi hội thảo góp ý đề án (kèm theo ý kiến đóng góp của các nhà khoa học, các cơ sở sử dụng người học sau tốt nghiệp);

h) Biên bản chi tiết cuộc họp thẩm định Đề án của Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp cơ sở (cấp Trường thành viên, Khoa, Viện, Trung tâm trực thuộc);

i) Các phiếu khảo sát điều tra:

- Phiếu khảo sát về nhu cầu nguồn nhân lực đối với ngành/chuyên ngành đào tạo;

- Phiếu khảo sát ý kiến về chuẩn đầu ra cho chương trình đào tạo;



k) Danh sách giới thiệu 10 cán bộ khoa học ngoài đơn vị có thể tham gia Hội đồng thẩm định Đề án mở chương trình đào tạo cấp ĐHQGHN theo mẫu:

TT	Họ và tên	Chức danh KH, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác	Điện thoại liên hệ
1					
2					
...					

2. Hồ sơ đề nghị ban hành chương trình và thẩm định điều kiện tổ chức đào tạo (gồm cả bản in và bản điện tử trên đĩa CD):

a) Văn bản giải trình của Thủ trưởng đơn vị về việc sửa chữa, hoàn thiện hồ sơ Đề án theo kết luận của Hội đồng thẩm định cấp ĐHQGHN (nếu có);

b) Các văn bản đã sửa chữa, hoàn thiện: 7 quyển Đề án mở chương trình đào tạo, 5 quyển chương trình đào tạo, 2 quyển đề cương môn học, 2 quyển hồ sơ cán bộ tham gia giảng dạy.

3. Đầu mối nhận hồ sơ là Ban Đào tạo ĐHQGHN. Trong vòng 7 ngày làm việc (không kể ngày lễ, ngày cuối tuần), Ban Đào tạo có trách nhiệm trả lời đơn vị về tính đầy đủ của hồ sơ hoặc cần phải bổ sung, hoàn thiện.

### **Điều 8. Quy trình mở chương trình đào tạo**

Quy trình mở chương trình đào tạo mới ở ĐHQGHN được thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Đơn vị xây dựng Đề án mở chương trình đào tạo và tổ chức thẩm định cấp cơ sở;

Bước 2: ĐHQGHN tổ chức thẩm định, ban hành chương trình đào tạo mới;

Bước 3: Đơn vị chuẩn bị các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo;

Bước 4: ĐHQGHN thẩm định các điều kiện tổ chức đào tạo chương trình và giao nhiệm vụ đào tạo cho đơn vị.

### **Điều 9. Xây dựng Đề án mở chương trình đào tạo**

Nhiệm vụ này gồm 8 bước do đơn vị thực hiện.

**Bước 1.** Đơn vị xây dựng kế hoạch theo giai đoạn, có phân kì từng năm, theo thứ tự ưu tiên về định hướng phát triển ngành, chuyên ngành đào tạo của đơn vị phù hợp với sứ mệnh, chiến lược phát triển của đơn vị và của ĐHQGHN.

Căn cứ kế hoạch đó, đơn vị thành lập nhóm chuyên gia biên soạn đề án, xây dựng chương trình đào tạo và đề cương các môn học (gọi chung là đề án) theo chuẩn đầu ra về kiến thức, năng lực, kĩ năng, phẩm chất đạo đức và chỉ định trưởng nhóm chuyên gia xây dựng chương trình đào tạo. Thành phần nhóm chuyên gia gồm các đại diện cho: giảng viên; cán bộ quản lí các cấp; các chuyên gia trong và ngoài nước liên quan đến ngành/chuyên ngành đào tạo; các cơ sở sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

**Bước 2.** Nhóm chuyên gia nghiên cứu các chương trình hiện hành của ngành/chuyên ngành (trong và ngoài ĐHQGHN), đề xuất các ý kiến tham khảo chuyên gia và dựa vào chuẩn đầu ra dự kiến khung chương trình đào tạo với các khối kiến thức hoặc các module các môn học trong từng khối kiến thức/module và mối liên hệ giữa các môn học. Sản phẩm của bước này là *Dự thảo chương trình đào tạo lần 1*.

Cách xây dựng chương trình đào tạo như sau:

- Chọn một chương trình đào tạo cùng ngành/chuyên ngành của một trường đại học nước ngoài (nêu tại Khoản 11, Điều 2 quy định này) có nội dung kiến thức cập nhật với trình độ phát triển khoa học, công nghệ của thế giới, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội, khoa học, công nghệ của Việt Nam và phù hợp với điều kiện của ĐHQGHN;

- Bổ sung thêm các môn học theo quy định của các bộ ngành liên quan, của ĐHQGHN, của đơn vị;

- Điều chỉnh các môn học của trường đại học nước ngoài cho phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Sắp xếp các môn học vào các khối kiến thức theo các Quy chế đào tạo của ĐHQGHN.

- **Bước 3.** Tổ chức điều tra khảo sát nhu cầu xã hội: Nhóm chuyên gia thảo luận thiết kế phiếu điều tra, lập kế hoạch điều tra khảo sát, xác định thông tin cần thu thập, các đối tượng và thời gian điều tra khảo sát, dự toán kinh phí điều tra khảo sát, tập huấn, tiến hành điều tra thử và điều chỉnh phiếu điều tra, ... và tiến hành điều tra khảo sát các nhóm đối tượng có liên quan. Trên cơ sở xử lí phiếu điều tra và thông tin liên quan, hoàn thiện chương trình đào tạo để xây dựng *Dự thảo chương trình đào tạo lần 2*.

**Bước 4.** Tổ chức xây dựng chuẩn đầu ra cho từng môn học trong *Dự thảo chương trình đào tạo lần 2* theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo trình tự sau:

- Tổ chức hội thảo về xây dựng chuẩn đầu ra cho các môn học trong chương trình.

- Xây dựng chuẩn đầu ra cho từng môn học trên cơ sở chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

- Tổ chức họp Hội đồng khoa học đào tạo của đơn vị chuyên môn (khoa của các trường thành viên, bộ môn của các Khoa, Viện, Trung tâm trực thuộc) đánh giá chuẩn đầu ra các môn học. Căn cứ vào điều kiện đặc thù của mình, các đơn vị xác định chuẩn đầu ra cho từng ngành, chuyên ngành đào tạo, chuẩn đầu ra của từng môn học để hoàn thiện chương trình đào tạo nhằm đáp ứng cao nhu cầu xã hội.

- Tổ chức điều chỉnh chuẩn đầu ra theo kết luận của Hội đồng khoa học đào tạo của đơn vị chuyên môn.

Kết quả của bước này là *Chuẩn đầu ra tích hợp từ chuẩn đầu ra các môn học* của chương trình đào tạo đề xuất.

**Bước 5:** Xây dựng *Ma trận phát triển kiến thức, kỹ năng hay trình tự đào tạo các môn học* hay *lược đồ phát triển kiến thức, kỹ năng*. Hội đồng khoa học đào tạo của khoa xác định trình tự thực hiện các khối kiến thức và các môn học đạt chuẩn đầu ra một cách tối ưu. Trình tự các môn học mô tả rõ sự phát triển kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức qua nghiên cứu, học tập ở một hoặc nhiều môn học trong một giai đoạn nhất định hoặc trong toàn bộ quá trình đào tạo. Sản phẩm của bước này là *Ma trận phát triển kiến thức, kỹ năng ứng với trình tự thực hiện các môn học đã xác định*. Kết quả tổng hợp của ma trận chuẩn đầu ra này giúp xác định trình tự phát triển các kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức và năng lực áp dụng kiến thức vào thực tiễn và là cơ sở để hoàn thiện *Dự thảo chương trình đào tạo lần 2*.

**Bước 6:** Tổ chức hội thảo rộng để lấy ý kiến đóng góp của các nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia, cơ sở tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp, giảng viên, sinh viên và cựu sinh viên... và hoàn thiện chương trình đào tạo nói trên. Sản phẩm bước này là *Dự thảo chương trình đào tạo lần 3*.

**Bước 7:** Hội đồng Khoa học – Đào tạo của đơn vị chuyên môn thẩm định góp ý hoàn chỉnh, đối chiếu chương trình đào tạo với chuẩn đầu ra, các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng và rà soát các nguồn lực, phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội, hoạch toán chương trình với việc định vị nghề nghiệp của sản phẩm đào tạo. Sản phẩm của bước này là *Chương trình đào tạo hoàn chỉnh*.

**Bước 8:** Lãnh đạo đơn vị trình chương trình đào tạo hoàn chỉnh để ĐHQGHN phê duyệt và chính thức ban hành chương trình đào tạo. Đề án mở chương trình đào tạo phải nêu rõ phân hạch toán kinh phí dự kiến thu, chi để tổ chức đào tạo 1 khóa phù hợp với quy mô dự kiến.

### **Điều 10. Thẩm định cấp ĐHQGHN và ban hành chương trình đào tạo**

1. ĐHQGHN tổ chức thẩm định Đề án mở chương trình đào tạo. Hội đồng thẩm định chuyên môn do ĐHQGHN thành lập có từ 7 đến 9 thành viên gồm các nhà khoa học có chuyên môn sâu thuộc lĩnh vực của ngành/chuyên ngành đào tạo và đại diện các đơn vị quản lý liên quan, trong đó có Ban Đào tạo, Ban Kế hoạch Tài chính, đại diện cơ quan, đơn vị sử dụng lao động.

2. Hội đồng thẩm định chuyên môn có trách nhiệm thẩm định mức độ cần thiết, tính khả thi của đề án và mục tiêu, khối lượng các môn học hoặc chuyên đề, nội dung và cấu trúc các khối kiến thức, các môn học của chương trình đào tạo. Ban Kế hoạch Tài chính thẩm định tính khả thi điều kiện tài chính thực hiện chương trình đào tạo nêu trong đề án mở ngành/chuyên ngành đào tạo.

3. Ban Kế hoạch Tài chính có trách nhiệm thẩm định tính khả thi về điều kiện tài chính thực hiện chương trình đào tạo nêu trong đề án mở ngành/chuyên ngành đào tạo.

4. Giám đốc ĐHQGHN xem xét ban hành chương trình đào tạo nếu đề án được hội đồng thẩm định chuyên môn cấp ĐHQGHN thông qua và đảm bảo tính khả thi về điều kiện tài chính.

5. ĐHQGHN chấm dứt việc xử lý hồ sơ đăng kí mở chương trình đào tạo và không ban hành chương trình đào tạo trong trường hợp đề án không được hội đồng thẩm định chuyên môn thông qua hoặc đơn vị không hoàn thiện đề án trong thời hạn 1 năm kể từ ngày hội đồng thẩm định cấp ĐHQGHN tiến hành thẩm định.

## **Điều 11. Chuẩn bị các điều kiện đảm bảo chất lượng**

1. Sau khi chương trình đào tạo được Giám đốc ĐHQGHN ban hành, đơn vị phải hoàn thành các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục đã được nêu trong Đề án.

2. ĐHQGHN thẩm định điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục theo các tiêu chuẩn kiểm định chương trình giáo dục của ĐHQGHN. Hội đồng thẩm định điều kiện do Ban Đào tạo làm đầu mối phối hợp với các ban chức năng và các đơn vị liên quan có nhiệm vụ tổ chức khảo sát, kiểm tra tình hình thực tế, báo cáo để Giám đốc xem xét quyết định giao nhiệm vụ đào tạo cho đơn vị.

3. Viện Đảm bảo Chất lượng Giáo dục có trách nhiệm thay mặt thường trực Hội đồng kiểm định chất lượng đào tạo ĐHQGHN đánh giá về mức độ phù hợp của Đề án với các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng hiện hành của ĐHQGHN. Các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục bao gồm:

a) Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên

- Số lượng, chức danh theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo;

- Sơ lược lí lịch của giảng viên: họ và tên (kèm theo ảnh), tuổi đời, thâm niên giảng dạy, chức danh, trình độ chuyên môn, công trình khoa học, kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu, hoạt động nghiên cứu trong nước và quốc tế, các bài báo đăng tải trong nước và quốc tế; thông tin về họ và tên học viên, nghiên cứu sinh mà giảng viên đã hướng dẫn bảo vệ thành công trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, tóm tắt đề tài nghiên cứu, thời gian thực hiện;

- Số lượng giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

b) Cơ sở vật chất: số lượng và diện tích giảng đường, phòng học, phòng chuyên môn, xưởng thực tập, kí túc xá và khu thể thao, các loại thiết bị đào tạo và thí nghiệm được sử dụng.

c) Gắn kết đào tạo và nghiên cứu khoa học

- Các đề tài, dự án có khả năng thu hút sinh viên năm cuối, học viên, NCS tham gia để tập dượt NCKH;

- Các phòng thí nghiệm, thực hành, các cơ sở liên kết đào tạo trong và ngoài nước đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo.

d) Các nội dung về tài chính dự kiến cho 1 khóa đào tạo

- Các nguồn thu tài chính phục vụ đào tạo cho 1 khóa;

- Mức thu học phí và các khoản thu khác cho một tín chỉ hoặc cho từng năm học và dự kiến cho toàn bộ khóa học;

- Các nguồn thu từ các hợp đồng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất, tư vấn và các nguồn thu hợp pháp khác.

e) Kế hoạch phân bổ sử dụng nguồn thu, trong đó có phần trích để tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng; Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong mỗi năm học (số lượng học bổng và tổng số tiền tương ứng, tổng số tiền học bổng ngoài ngân sách nhà nước).

g) Công khai tài chính theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Việc thực hiện công khai của các đơn vị phải đảm bảo đầy đủ về cả nội dung, hình thức và thời điểm công khai.

- Thông tin được công khai tại các đơn vị và trên các trang web phải chính xác, kịp thời và dễ dàng tiếp cận, đảm bảo đầy đủ và cập nhật thông tin mới.

h) Đánh giá tính bền vững về mặt tài chính của chương trình đào tạo.

k) Ngoài ra, các đơn vị phải có đầy đủ các tài liệu về các nội dung liên quan đến chức năng hoạt động, nhiệm vụ của đơn vị phục vụ nhu cầu nghiên cứu của học viên, nghiên cứu sinh, giảng viên và những người quan tâm.

## **Điều 12. Giao nhiệm vụ tổ chức đào tạo**

a) Việc giao nhiệm vụ tổ chức đào tạo cho đơn vị chỉ được thực hiện sau khi đơn vị đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định của ĐHQGHN.

b) Đơn vị được thông báo tuyển sinh, tổ chức tuyên truyền quảng bá về chương trình đào tạo mới sau khi được Giám đốc giao nhiệm vụ tổ chức đào tạo trên cơ sở tờ trình của Ban Đào tạo và Ban Kế hoạch Tài chính.

c) Đơn vị được tổ chức tuyển sinh đào tạo ngành/chuyên ngành mới trong năm nếu được Giám đốc ĐHQGHN quyết định giao nhiệm vụ đào tạo trước thời điểm 31/12 của năm trước đối với bậc đào tạo đại học và trước thời điểm 30/6 của năm trước đối với bậc đào tạo sau đại học. Sau thời điểm đó, chỉ tiêu tuyển sinh sẽ được xem xét vào năm tiếp theo.

### **Chương III**

## **ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **Điều 13. Mục tiêu của việc điều chỉnh chương trình đào tạo**

1. Phát huy hiệu quả liên thông, liên kết trong tổ chức đào tạo theo các Quy chế đào tạo của ĐHQGHN;

2. Điều chỉnh nội dung đào tạo, phương pháp dạy - học, kiểm tra, đánh giá và phương thức quản lý gắn với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội và khả năng thu hút các nguồn lực, phù hợp phương thức đào tạo theo tín chỉ và định hướng tiếp cận CDIO.

3. Tăng cường hội nhập quốc tế; thực hiện liên thông liên kết với các đại học tiên tiến trong khu vực và thế giới trong công nhận và chuyển đổi tín chỉ, giao lưu, trao đổi cán bộ và sinh viên, công nhận văn bằng và chứng chỉ đào tạo.

### **Điều 14. Xây dựng chương trình đào tạo theo các khối kiến thức**

1. Chương trình đào tạo đại học

Chương trình đào tạo đại học phải được sắp xếp theo các khối kiến thức sau:

a) Khối kiến thức chung (M1) được tổ chức giảng dạy thống nhất ở tất cả các đơn vị của ĐHQGHN.

b) Khối kiến thức theo lĩnh vực (M2) được tổ chức giảng dạy thống nhất ở tất cả các đơn vị có ngành học thuộc cùng lĩnh vực.

c) Khối kiến thức theo khối ngành (M3) được tổ chức giảng dạy ở tất cả các chương trình đào tạo của một đơn vị có ngành học thuộc cùng khối ngành.

d) Khối kiến thức theo nhóm ngành (M4) được tổ chức giảng dạy ở một chương trình đào tạo của một đơn vị có các ngành học thuộc cùng nhóm ngành.

e) Khối kiến thức ngành (M5) bao gồm các môn học của ngành, các môn nghiệp vụ, bổ trợ, thực tập, thực tế, khóa luận hoặc đồ án tốt nghiệp được tổ chức giảng dạy thuộc 1 chương trình đào tạo, trong đó các môn học bổ trợ có thể chọn và học tập tại một khoa hoặc một đơn vị khác.

Chương trình đào tạo có hai phần kiến thức: Phần kiến thức cốt lõi của ngành học gồm các khối kiến thức M1, M2, M3, M4, M5 và phần kiến thức bổ trợ là các môn học tự chọn có điều kiện thuộc các khối kiến thức M2, M3, M4 của ngành học khác.

Trừ khối kiến thức chung (M1), đối với các môn học còn lại của một chương trình đào tạo thuộc các khối kiến thức M2, M3, M4, M5, các đơn vị cần cân nhắc và quyết định tỷ lệ các môn học, số lượng tín chỉ trong từng khối kiến thức, số tín chỉ cho từng môn học cho phù hợp.

## 2. Chương trình đào tạo thạc sĩ

Chương trình đào tạo thạc sĩ gồm 2 phần, được sắp xếp theo các khối kiến thức sau:

### a) Phần 1: Các môn học, chia thành 3 khối kiến thức:

- Khối kiến thức chung gồm các môn lí luận chính trị (Triết học) và Ngoại ngữ cơ bản.

- Khối kiến thức nhóm chuyên ngành gồm các môn học bổ sung, nâng cao kiến thức cơ sở và liên ngành; phát triển năng lực và kĩ năng sử dụng ngoại ngữ thông qua hoạt động chuyên môn (Ngoại ngữ học thuật).

- Khối kiến thức chuyên ngành gồm những môn học chuyên sâu cho từng chuyên ngành đào tạo.

b) Phần 2: Luận văn thạc sĩ (đối với chương trình định hướng nghiên cứu) hoặc tiểu luận thạc sĩ (đối với chương trình định hướng thực hành).

## 3. Chương trình đào tạo tiến sĩ

Chương trình đào tạo tiến sĩ gồm 4 phần, được sắp xếp theo các khối kiến thức sau:

### a) Phần 1: Khối kiến thức bổ sung

- Nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ phải bổ sung các môn học trong chương trình đào tạo thạc sĩ tương ứng quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này, bao gồm: khối kiến thức chung bắt buộc, khối kiến thức nhóm chuyên ngành và khối kiến thức chuyên ngành.

- Nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần phải học bổ sung một số môn học cốt lõi thuộc khối kiến thức nhóm chuyên ngành và khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ để có kiến thức tương đương với người có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành.

- Nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp không phải học phần này.



b) Phần 2: 4 tín chỉ để nâng cao năng lực và kỹ năng sử dụng ngoại ngữ thông qua hoạt động chuyên môn (môn Ngoại ngữ học thuật nâng cao).

c) Phần 3: Các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan

- Các chuyên đề tiến sĩ gồm hai phần: bắt buộc và tự chọn.

Các chuyên đề bắt buộc giúp nghiên cứu sinh cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu. Mỗi chuyên đề được thiết kế với khối lượng từ 2 đến 3 tín chỉ. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 3 đến 5 chuyên đề bắt buộc với khối lượng từ 8 đến 12 tín chỉ.

Các chuyên đề tự chọn đòi hỏi nghiên cứu sinh tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của nghiên cứu sinh, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, giúp nghiên cứu sinh giải quyết một số nội dung của đề tài luận án. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 2 đến 3 chuyên đề tự chọn với khối lượng từ 4 đến 6 tín chỉ.

- Bài tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết. Bài tiểu luận tổng quan có khối lượng 2 tín chỉ.

d) Phần 4: Luận án tiến sĩ từ 70 đến 80 tín chỉ.

4. Cách thức hoàn thiện chương trình đào tạo hiện hành

- Sau khi tham khảo các chương trình tiên tiến, chọn 1 chương trình đào tạo của đại học tiên tiến nước ngoài làm gốc, so sánh với chương trình đào tạo hiện có của đơn vị; môn nào trùng khớp để nguyên tên gọi và nội dung; môn nào không trùng khớp thì nghiên cứu, bổ sung cho phù hợp điều kiện hoàn cảnh của đơn vị và điều kiện của Việt Nam, thuyết minh lý do thay đổi môn học, bổ sung hoặc cắt bớt môn học so với chương trình nước ngoài đã chọn;

- Sắp xếp các môn học vào từng khối kiến thức;

- Rà soát và so sánh với các chương trình cùng có khối kiến thức (trong và ngoài đơn vị) để thống nhất lại tên gọi, số môn, số tín chỉ cho từng môn học;

- Tổ chức khảo sát lấy ý kiến góp ý của các loại đối tượng phù hợp với yêu cầu xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Điều chỉnh các môn để có *Dự thảo chương trình đào tạo lần 2*;

- Triển khai thực hiện các bước 4, 5, 6 của Điều 9 tại Quy định này để có *Dự thảo chương trình đào tạo lần 3* trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo của đơn vị.

### **Điều 15. Hồ sơ đề nghị cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo**

1. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh chương trình đào tạo gồm các tài liệu sau đây (gồm cả bản in trên giấy và bản điện tử trên đĩa CD):

a) Với chương trình điều chỉnh dưới 20%

- Tờ trình đề nghị điều chỉnh chương trình đào tạo của Thủ trưởng đơn vị, trong đó nêu rõ những nội dung cập nhật, điều chỉnh, số tín chỉ, tỉ lệ điều chỉnh so với chương trình đào tạo hiện hành;

- 2 quyền Chương trình đào tạo (theo Phụ lục 2);

- 2 quyền Đề cương môn học (theo Phụ lục 3);

- Biên bản chi tiết cuộc họp thẩm định Chương trình đào tạo của Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp cơ sở (cấp Trường thành viên, Khoa, Viện, Trung tâm trực thuộc).

b) Với chương trình điều chỉnh từ 20% trở lên

- Tờ trình đề nghị điều chỉnh chương trình đào tạo của Thủ trưởng đơn vị, trong đó nêu rõ những nội dung cập nhật, điều chỉnh, số tín chỉ, tỉ lệ điều chỉnh so với chương trình đào tạo hiện hành;

- 10 quyền Chương trình đào tạo (theo Phụ lục 2);

- 10 quyền Đề cương môn học (theo Phụ lục 3);

- Biên bản chi tiết cuộc họp thẩm định Chương trình đào tạo của Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp cơ sở (cấp Trường thành viên, Khoa, Viện, Trung tâm trực thuộc).

- Danh sách giới thiệu 10 cán bộ khoa học ngoài đơn vị có thể tham gia Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo cấp ĐHQGHN theo mẫu nêu tại Khoản 1 Điều 7 quy định này.

2. Đầu mối thu nhận hồ sơ: Ban Đào tạo ĐHQGHN.

## **Điều 16. Quy trình cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo**

### **1. Tổ chức cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo**

a) Đơn vị chuyên môn (Khoa chuyên môn của trường đại học thành viên, tổ bộ môn (hoặc bộ phận chuyên môn) của viện, khoa và trung tâm) đề xuất cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo và đề cương môn học của các chương trình đào tạo;

b) Hội đồng Khoa học và Đào tạo của đơn vị họp thẩm định chương trình cập nhật, điều chỉnh;

c) Trình ĐHQGHN hồ sơ đề nghị thẩm định và ban hành.

### **2. Thẩm định và ban hành chương trình đào tạo**

a) ĐHQGHN tổ chức thẩm định chương trình đào tạo;

b) Nếu nội dung cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo có tỉ lệ dưới 20% so với chương trình đào tạo hiện hành, ĐHQGHN thẩm định và quyết định ban hành chương trình đào tạo cập nhật, điều chỉnh;

c) Nếu nội dung cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo từ 20% trở lên so với chương trình đào tạo hiện hành, ĐHQGHN tổ chức họp hội đồng thẩm định chuyên môn và quyết định ban hành chương trình đào tạo.

## **Chương IV**

### **ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **Điều 17. Đánh giá việc thực hiện chương trình đào tạo thí điểm**

Sau 1 năm được phép tổ chức thực hiện đào tạo thí điểm, đơn vị tổ chức rút kinh nghiệm để chấn chỉnh công tác điều hành quản lý; sau 2 khóa đào tạo, đơn vị tổ chức hội nghị tổng kết đào tạo thí điểm và báo cáo ĐHQGHN những kết quả của việc tổ chức đào tạo thí điểm.

Đơn vị thông báo tuyển sinh các khóa tiếp theo nếu được ĐHQGHN cho phép tiếp tục đào tạo.

## **Điều 18. Các điều kiện để kiến nghị đưa chương trình đào tạo thí điểm vào danh mục Nhà nước**

1. Ít nhất có trên 50% ý kiến phản hồi của người dạy và người học tán thành chương trình đào tạo và đề nghị tiếp tục triển khai đào tạo;

2. Chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, trên 80% người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo; được các đơn vị sử dụng sản phẩm tốt nghiệp đánh giá đạt chất lượng, không phải đào tạo lại;

3. Đơn vị có đủ các điều kiện để chủ động tổ chức đào tạo sau thời gian thí điểm và cam kết đảm bảo chất lượng theo các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của ĐHQGHN. Chương trình đào tạo được ĐHQGHN cho phép triển khai tuyển sinh sau thời gian thí điểm.

## **Điều 19. Dừng chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo không được tiếp tục triển khai nếu:

1. Liên tiếp trong 3 năm không tuyển sinh đủ theo chỉ tiêu ĐHQGHN phân bổ cho đơn vị và/hoặc:

2. Chương trình đào tạo được kiểm định không đạt mức độ 1 và không đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo.

## **Điều 20. Tiếp tục chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo được tiếp tục triển khai nếu:

1. Sau thời gian đào tạo thí điểm, đơn vị có báo cáo đánh giá kết quả đào tạo và được ĐHQGHN cho phép tiếp tục tổ chức đào tạo, được giao chỉ tiêu tuyển sinh và hỗ trợ các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo cho đơn vị;

2. Đơn vị chủ động tổ chức phát triển điều kiện đảm bảo chất lượng, cập nhật chương trình đào tạo cho phù hợp với sự biến động của nhu cầu xã hội và phát triển của khoa học và công nghệ;

3. Đơn vị nghiêm túc thực hiện công khai thông tin theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và triển khai các hoạt động thông tin quảng bá trên các phương tiện truyền thông.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 21. Tổ chức thực hiện**

1. Quy định này có 5 chương và 21 điều, có giá trị kể từ ngày kí ban hành và thay thế cho các văn bản: “Hướng dẫn xây dựng Đề án mở chương trình đào tạo đại học” (số 2323/ĐT, ngày 12/12/2006) và “Quy định tạm thời về mở chuyên ngành và sửa đổi chương trình đào tạo sau đại học” (số 665/SĐH, ngày 04/02/2008) của Giám đốc ĐHQGHN.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị báo cáo bằng văn bản về ĐHQGHN (qua Ban Đào tạo) để kịp thời điều chỉnh, bổ sung nội dung bản Quy định này cho phù hợp với thực tế.

**GIÁM ĐỐC**

*(Đã kí)*

**GS.TS. Mai Trọng Nhuận**

## **Phụ lục 1: MẪU ĐỀ ÁN MỞ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Kèm theo Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo  
ban hành theo Quyết định số 1366/QĐ- ĐHQGHN, ngày 25 tháng 04 năm 2012  
của Giám đốc ĐHQGHN)*

---

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**(TÊN ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

### **ĐỀ ÁN MỞ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (HOẶC ĐÀO TẠO THÍ ĐIỂM)**

CHUYÊN NGÀNH: ..... MÃ SỐ: .....

NGÀNH: .....

BẬC ĐÀO TẠO: .....

#### **1. Giới thiệu về đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo**

- Giới thiệu một vài nét về đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: ngày thành lập; quá trình hình thành và phát triển; các thành tựu trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học liên quan đến chuyên ngành xin mở đào tạo; quyết định giao nhiệm vụ đào tạo ở trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ (nếu có); số khóa học, số sinh viên/học viên đã tốt nghiệp ở ngành/chuyên ngành đúng với chuyên ngành xin mở đào tạo (đối với Đề án mở chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ).

- Giới thiệu về khoa chuyên môn, bộ môn sẽ trực tiếp nhận nhiệm vụ đào tạo.

#### **2. Luận cứ mở chương trình đào tạo (hoặc đào tạo thí điểm/liên ngành)**

- Lí do đề nghị mở chương trình đào tạo.

- Các căn cứ pháp lí cho phép mở chương trình.

- Luận cứ khoa học về ngành/chuyên ngành đào tạo mới (đối với chuyên ngành thí điểm).

- Trình bày kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực của ngành/chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo đối với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ. Phân tích, đánh giá sự phù hợp của nhu cầu này với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương, khu vực, quốc gia.

- Khả năng đưa vào Danh mục ngành/chuyên ngành đào tạo của Nhà nước; đề xuất phương án về mã số của ngành/chuyên ngành sau thời hạn đào tạo thí điểm (đối với chuyên ngành thí điểm).

- Các luận cứ khác.

### **3. Tình hình đào tạo trên thế giới và ở Việt Nam về ngành/chuyên ngành xin mở**

a) Tình hình đào tạo trên thế giới:

- Tình hình đào tạo

- Thu thập và đánh giá một số chương trình đào tạo của các trường đại học được xếp hạng thuộc danh sách 500 trường đại học tốt nhất thế giới. Thống kê 5 chương trình đào tạo theo đúng (hoặc gần đúng) chuyên ngành xin mở theo bảng sau:

Danh mục cơ sở đào tạo nước ngoài đang đào tạo ngành/chuyên ngành .....

STT	Tên nước	Cơ sở đào tạo	Tên ngành/chuyên ngành đào tạo	Bậc đào tạo	Mục tiêu đào tạo	Danh hiệu tốt nghiệp	Địa chỉ trang web
1							
2							

b) Tình hình đào tạo ở Việt Nam

- Tình hình đào tạo

- Thu thập và đánh giá một số chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín ở Việt Nam. Thống kê 5 chương trình đào tạo theo đúng (hoặc gần đúng) chuyên ngành xin mở theo bảng sau:

Danh mục cơ sở đào tạo trong nước đang đào tạo ngành/chuyên ngành ...

STT	Cơ sở đào tạo	Tên ngành/chuyên ngành đào tạo	Bậc đào tạo	Mục tiêu đào tạo	Danh hiệu tốt nghiệp	Địa chỉ trang web
1						
2						

#### **4. Tuyển sinh cho chương trình xin mở**

- Điều kiện dự tuyển: ghi rõ điều kiện văn bằng, thâm niên công tác, bổ sung kiến thức (nếu có).

- Nguồn tuyển sinh: dự kiến nguồn tuyển sinh từ những ngành nào, trường nào, nước nào...

- Phương thức tuyển sinh (khối thi/ môn thi/ hình thức tổ chức thi)

#### **5. Điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo cho chương trình xin mở**

Điều kiện đảm bảo chất lượng được dựa theo các Tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo đã được ban hành kèm theo Quyết định số 1166/QĐ-ĐBCL ngày 20 tháng 4 năm 2011 của Giám đốc ĐHQGHN, cụ thể gồm các nội dung chính sau:

##### **5.1. Về đội ngũ cán bộ, giảng viên:**

a) Đội ngũ cán bộ tham gia giảng dạy chương trình: số giảng viên cơ hữu, thỉnh giảng, số GS, PGS, TSKH, TS, ThS, CN... ; trích ngang về đội ngũ cán bộ (theo Phụ lục 4 – Mẫu 1); lí lịch khoa học (theo Phụ lục 5 - Mẫu 1), bản sao văn bằng cao nhất của đội ngũ cán bộ. Ngoài ra, đối với các cán bộ không phải là cán bộ cơ hữu thuộc biên chế của đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo (cán bộ kiêm nhiệm, cộng tác viên, ...), cần có văn bản đồng ý tham gia đào tạo (theo Phụ lục 5 - Mẫu 2) kèm theo.

b) Thành tích NCKH của đội ngũ cán bộ (theo Phụ lục 4 – Mẫu 2).

c) Thuyết minh về năng lực của đội ngũ cán bộ quản lí.

##### **5.2. Về hoạt động NCKH của đơn vị:**

a) Tóm tắt về hoạt động NCKH của đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo thể hiện qua bảng trích ngang về các đề tài NCKH do đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo thực hiện (theo Phụ lục 4 – Mẫu 3).

b) Tóm tắt về các hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành đã tổ chức tại đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo (theo Phụ lục 4 – Mẫu 6) (không bắt buộc đối với mở chương trình đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ).

c) Danh mục hướng nghiên cứu thuộc chuyên ngành xin mở đào tạo (ít nhất cho 3 năm đầu tiên) thể hiện qua bảng trích ngang về các hướng nghiên cứu



(theo Phụ lục 4 – Mẫu 7) (không bắt buộc đối với mở chương trình đào tạo trình độ đại học).

5.3. Về cơ sở vật chất phục vụ cho công tác đào tạo như: giảng đường (số lượng, diện tích), phòng thí nghiệm (tên, diện tích, trang thiết bị, ...), các cơ sở thực tập, thực tế; thư viện (số sách, tạp chí, học liệu); trang thiết bị, phương tiện giảng dạy... (theo Mẫu 4 và Mẫu 5, Phụ lục 4).

5.4. Dự kiến kế hoạch đào tạo chung cho toàn khoá học và kế hoạch đào tạo cụ thể cho từng năm học.

5.5. Dự kiến nhu cầu xin thêm biên chế cán bộ giảng dạy và kinh phí ngân sách nhà nước hàng năm.

## **6. Hợp tác, liên kết đào tạo về chương trình xin mở (nếu có)**

- Giới thiệu về đơn vị đối tác
- Trình bày về năng lực nghiên cứu, đào tạo của đội ngũ cán bộ cơ hữu thuộc biên chế của đơn vị đối tác có thể tham gia đào tạo về chương trình xin mở; về hoạt động NCKH và cơ sở vật chất của đơn vị đối tác có thể phục vụ cho công tác đào tạo.

## **7. Hoạch toán thu chi triển khai chương trình đào tạo**

Dự kiến các khoản thu, chi; hoạch toán hiệu quả kinh tế và tính bền vững của chương trình đào tạo, gồm:

- Chi phí đào tạo;
- Mức thu học phí và các khoản thu khác cho một tín chỉ hoặc cho từng năm học và dự kiến cho toàn bộ khóa học;
- Các nguồn thu từ các hợp đồng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất, tư vấn và các nguồn thu hợp pháp khác;
- Kế hoạch phân bổ sử dụng nguồn thu học phí, trong đó có phân trích để tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng;
- Chính sách học bổng (nếu có);
- Hoạch toán hiệu quả kinh tế, tính bền vững của chương trình đào tạo.

## **8. Tài liệu tham khảo để viết Đề án**

- Tài liệu trong nước

- Tài liệu nước ngoài (trong đó có chương trình đào tạo đầy đủ các nội dung của trường đại học tiên tiến ở nước ngoài được sử dụng để xây dựng chương trình đào tạo của đơn vị).

**9. Các chương trình đào tạo tương tự áp dụng trong 5 năm trở lại đây**  
(đính kèm đầy đủ nội dung của các chương trình này)

- Chương trình trong nước
- Chương trình nước ngoài

## **Phụ lục 2: MẪU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Kèm theo Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo  
ban hành theo Quyết định số 1366/QĐ- ĐHQGHN, ngày 25 tháng 04 năm 2012  
của Giám đốc ĐHQGHN)*

---

### **Mẫu 1: Chương trình đào tạo trình độ đại học**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI      CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**(TÊN ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO)                      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

NGÀNH: .....

MÃ SỐ: .....

### **PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **1. Một số thông tin về chương trình đào tạo**

- Tên ngành đào tạo: (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)
- Mã số ngành đào tạo: (lấy mã số từ Danh mục ngành đào tạo đại học của Nhà nước, những chuyên ngành chưa có trong Danh mục nói trên thì ghi là *Ngành đào tạo thí điểm*)
- Trình độ đào tạo: Cử nhân/Kĩ sư/Bác sĩ/Dược sĩ...
- Thời gian đào tạo:
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp: (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:

#### **2. Mục tiêu đào tạo**

#### **3. Thông tin tuyển sinh**

- Hình thức tuyển sinh
- Dự kiến quy mô tuyển sinh

### **PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **1. Về kiến thức**

- 1.1. Kiến thức chung trong ĐHQGHN

- 1.2. Kiến thức chung theo lĩnh vực
  - 1.3. Kiến thức chung của khối ngành
  - 1.4. Kiến thức chung của nhóm ngành
  - 1.5. Kiến thức ngành và bổ trợ
  - 1.6. Kiến thức thực tập và tốt nghiệp
- (có thể ghi theo cách tổng hợp chuẩn đầu ra của các khối kiến thức)

## **2. Về kĩ năng**

### 2.1. Kĩ năng cứng

- 2.1.1. Các kĩ năng nghề nghiệp
- 2.1.2. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề
- 2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức
- 2.1.4. Khả năng tư duy theo hệ thống
- 2.1.5. Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh
- 2.1.6. Bối cảnh tổ chức
- 2.1.7. Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn
- 2.1.8. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp

### 2.2. Kĩ năng mềm

- 2.2.1. Các kĩ năng cá nhân
- 2.2.2. Làm việc theo nhóm
- 2.2.3. Quản lí và lãnh đạo
- 2.2.4. Kĩ năng giao tiếp
- 2.2.5. Kĩ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ
- 2.2.6. Các kĩ năng mềm khác

## **3. Về phẩm chất đạo đức**

- 3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân
- 3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp
- 3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

## PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:

- Khối kiến thức chung trong ĐHQGHN:
- Khối kiến thức chung theo lĩnh vực:
- Khối kiến thức chung theo khối ngành
- Khối kiến thức chung của khối ngành:
- Khối kiến thức chung của nhóm ngành:
- Khối kiến thức ngành và bổ trợ:
- Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp:

### 2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>		<b>Khối kiến thức chung</b>					
1							
2							
...							
<b>II</b>		<b>Khối kiến thức chung theo lĩnh vực</b>					
....							
...							
...							
<b>III</b>		<b>Khối kiến thức chung của khối ngành</b>					
<i>III.1</i>		<i>Các môn học bắt buộc</i>					
...							
...							

<b>IV</b>		<b>Khối kiến thức của nhóm ngành</b>					
<i>IV.1</i>		<i>Các môn học bắt buộc</i>					
...							
---							
<i>IV.2</i>		<i>Các môn học tự chọn</i>					
....							
.....							
<b>V</b>		<b>Khối kiến thức ngành và bổ trợ</b>					
.....							
<b>VI</b>		<b>Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp</b>					
<b>Tổng số</b>							

**3. Danh mục tài liệu tham khảo** (ghi theo số thứ tự trong khung chương trình)

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo
				(1. Tài liệu bắt buộc, 2. Tài liệu tham khảo thêm)
1.				<b>1. Tài liệu bắt buộc</b> - ..... <b>2. Tài liệu tham khảo thêm</b> - ....
2.				
3.				
4.				
5.				

**4. Đội ngũ cán bộ giảng dạy** (ghi theo số thứ tự trong khung chương trình)

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
1.							
2.							
3.							
4.							
5.							
6.							

## 5. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

### 6. So sánh chương trình đào tạo đã xây dựng với một chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài (đã sử dụng để xây dựng chương trình)

a) Giới thiệu về chương trình được sử dụng để xây dựng chương trình:

- Tên chương trình, tên văn bằng sau khi tốt nghiệp
- Tên cơ sở đào tạo, nước đào tạo
- Xếp hạng của cơ sở đào tạo, ngành đào tạo

b) Bảng so sánh chương trình đào tạo

<b>STT</b>	<b>Tên môn học trong chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài (Tiếng Anh, tiếng Việt)</b>	<b>Tên môn học trong chương trình đào tạo của đơn vị (Tiếng Anh, tiếng Việt)</b>	<b>Thuyết minh về những điểm giống và khác nhau giữa các môn học của 2 chương trình đào tạo</b>
1.			
2.			
3.			



## Mẫu 2: Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
(TÊN ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO)                      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

NGÀNH: .....

CHUYÊN NGÀNH: ..... MÃ SỐ: .....

#### PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

##### 1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo: (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)
- Mã số chuyên ngành đào tạo: (lấy mã số từ Danh mục chuyên ngành đào tạo sau đại học của Nhà nước, những chuyên ngành chưa có trong Danh mục nói trên thì ghi là *Chuyên ngành đào tạo thí điểm*)
- Tên ngành đào tạo: (nếu có và ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp: (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: (ghi theo cấp Trường thành viên, Viện, Trung tâm, Khoa trực thuộc)

##### 2. Mục tiêu của chương trình đào tạo (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể)

##### 3. Thông tin tuyển sinh

- Hình thức tuyển sinh:
  - + Xét tuyển với các điều kiện theo quy định của ĐHQGHN
  - + Thi tuyển với các môn thi sau đây:
    - Môn thi Cơ bản: (ghi tên môn thi)
    - Môn thi Cơ sở: (ghi tên môn thi)
    - Môn Ngoại ngữ: (ghi tên môn thi)
- Đối tượng tuyển sinh (Yêu cầu đối với người dự tuyển: văn bằng, ngành học, loại tốt nghiệp, kinh nghiệm công tác)

- Danh mục các ngành gần, ngành phù hợp với ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo.
- Danh mục các môn học bổ sung kiến thức.
- Dự kiến quy mô tuyển sinh

## **PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Về kiến thức:**

- a) Kiến thức chung trong ĐHQGHN
- b) Kiến thức nhóm chuyên ngành
- c) Kiến thức chuyên ngành
- d) Yêu cầu đối với tiểu luận/luận văn tốt nghiệp

### **2. Về kĩ năng:**

- a) Kĩ năng cứng (kĩ năng nghề nghiệp; kĩ năng nghiên cứu, phát hiện và giải quyết vấn đề...)
- b) Kĩ năng mềm (kĩ năng cá nhân, kĩ năng làm việc theo nhóm, kĩ năng sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn...)

### **3. Về năng lực:**

- a) Những ví trí công tác mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp
- b) Yêu cầu kết quả thực hiện công việc

### **4. Về phẩm chất đạo đức:**

- a) Phẩm chất đạo đức cá nhân
- b) Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp
- c) Phẩm chất đạo đức xã hội

## **PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo**

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: ..... tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức chung (bắt buộc): ..... tín chỉ
- Khối kiến thức nhóm chuyên ngành: ..... tín chỉ
  - + Bắt buộc: ..... tín chỉ
  - + Tự chọn: ..... tín chỉ/ ..... tín chỉ
- Khối kiến thức chuyên ngành: ..... tín chỉ

- + Bắt buộc: ..... tín chỉ
- + Tự chọn: ..... tín chỉ/ ..... tín chỉ
- Tiểu luận /Luận văn thạc sĩ: ..... tín chỉ

## 2. Khung chương trình

STT	Mã môn học	Tên môn học (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ: TS (LL/ThH/TH)*	Mã số các môn học tiên quyết
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>				
1.					
2.					
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức nhóm chuyên ngành</b>				
<b>II.1.</b>	<b>Các môn học bắt buộc</b>				
3.					
4.					
5.	.....				
<b>II.2.</b>	<b>Các môn học tự chọn</b>				
6.					
7.	.....				
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>				
<b>III.1.</b>	<b>Các môn học bắt buộc</b>				
8.					
9.					
10.	.....				

STT	Mã môn học	Tên môn học (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ: TS (LL/ThH/TH)*	Mã số các môn học tiên quyết
<b>II.2.</b>	<b>Các môn học tự chọn</b>				
11.					
12.	.....				
<b>IV</b>	<b>Tiểu luận/Luận văn thạc sĩ</b>				
<b>Tổng cộng:</b>					

**Ghi chú:** \* Tổng số giờ tín chỉ (số giờ tín chỉ lên lớp/số giờ tín chỉ thực hành/số giờ tín chỉ tự học)

### 3. Danh mục tài liệu tham khảo (ghi theo số thứ tự trong khung chương trình)

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc, 2. Tài liệu tham khảo thêm)
1.				<b>1. Tài liệu bắt buộc</b> - ..... <b>2. Tài liệu tham khảo thêm</b> - ....
2.				
3.				
4.				
5.				

**4. Đội ngũ cán bộ giảng dạy** (ghi theo số thứ tự trong khung chương trình)

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
1.							
2.							
3.							
4.							
5.							
6.							

## 5. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

### 6. So sánh chương trình đào tạo đã xây dựng với chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài (đã sử dụng để xây dựng chương trình)

a) Giới thiệu về chương trình được sử dụng để xây dựng chương trình

- Tên chương trình (tên ngành/chuyên ngành), tên văn bằng sau khi tốt nghiệp

- Tên cơ sở đào tạo, nước đào tạo

- Xếp hạng của cơ sở đào tạo, ngành/chuyên ngành đào tạo

b) Bảng so sánh chương trình đào tạo

<b>STT</b>	<b>Tên môn học trong chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài (Tiếng Anh, tiếng Việt)</b>	<b>Tên môn học trong chương trình đào tạo của đơn vị (Tiếng Anh, tiếng Việt)</b>	<b>Thuyết minh về những điểm giống và khác nhau giữa các môn học của 2 chương trình đào tạo</b>
1.			
2.			
3.			

### **Mẫu 3: Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**(TÊN ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO)                      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

NGÀNH: .....

CHUYÊN NGÀNH: ..... MÃ SỐ: .....

### **PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **1. Một số thông tin về chuyên ngành đào tạo**

- Tên chuyên ngành đào tạo: (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)
- Mã số chuyên ngành đào tạo: (lấy mã số từ Danh mục chuyên ngành đào tạo sau đại học của Nhà nước, những chuyên ngành chưa có trong Danh mục nói trên thì ghi là *Chuyên ngành đào tạo thí điểm*)
- Tên ngành đào tạo: (nếu có và ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp: (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: (ghi theo cấp Trường thành viên, Viện, Trung tâm, Khoa trực thuộc)

#### **2. Mục tiêu của chương trình đào tạo (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể)**

#### **3. Thông tin tuyển sinh**

- Hình thức tuyển sinh:
  - + Đối tượng từ thạc sĩ: xét hồ sơ chuyên môn theo quy định của ĐHQGHN
  - + Đối tượng từ cử nhân: kết hợp thi tuyển và xét hồ sơ chuyên môn
    - Môn thi Cơ bản: (ghi tên môn thi)
    - Môn thi Cơ sở: (ghi tên môn thi)
    - Môn Ngoại ngữ: (ghi tên môn thi)
    - Xét hồ sơ chuyên môn theo quy định của ĐHQGHN.
- Đối tượng tuyển sinh (Yêu cầu đối với người dự tuyển: văn bằng, ngành học, loại tốt nghiệp, kinh nghiệm công tác)



- Danh mục các chuyên ngành gần, chuyên ngành phù hợp với chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo.
- Dự kiến quy mô tuyển sinh

## **PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Về kiến thức:**

- a) Kiến thức chung trong ĐHQGHN (đối với NCS từ cử nhân)
- b) Kiến thức nhóm chuyên ngành (đối với NCS từ cử nhân)
- c) Kiến thức chuyên ngành (đối với NCS từ cử nhân)
- d) Kiến thức chuyên đề tiến sĩ
- e) Yêu cầu đối với luận án
- f) Yêu cầu về số lượng và chất lượng của các công trình khoa học sẽ công bố

### **2. Về kĩ năng:**

- a) Kĩ năng cứng (kĩ năng nghề nghiệp; kĩ năng nghiên cứu, phát hiện và giải quyết vấn đề...)
- b) Kĩ năng mềm (kĩ năng cá nhân, kĩ năng làm việc theo nhóm, kĩ năng sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn...)

### **3. Về năng lực:**

- a) Những ví trí công tác mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp
- b) Yêu cầu kết quả thực hiện công việc

### **4. Về phẩm chất đạo đức:**

- a) Phẩm chất đạo đức cá nhân
- b) Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp
- c) Phẩm chất đạo đức xã hội

## **PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo**

#### ***a) Đối với NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp:***

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: ..... tín chỉ, trong đó:

- Ngoại ngữ học thuật nâng cao: ..... tín chỉ

- Các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan:

- + Chuyên đề bắt buộc: ..... tín chỉ
- + Chuyên đề tự chọn: ..... tín chỉ
- + Tiểu luận tổng quan: ..... tín chỉ
- Luận án tiến sĩ: ..... tín chỉ

**b) Đối với NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần**

- Tổng số tín chỉ phải tích lũy: ..... tín chỉ, trong đó:
- Các môn học bổ sung kiến thức:..... tín chỉ
  - Ngoại ngữ học thuật nâng cao: ..... tín chỉ
  - Các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan:
    - + Chuyên đề bắt buộc: ..... tín chỉ
    - + Chuyên đề tự chọn: ..... tín chỉ
    - + Tiểu luận tổng quan: ..... tín chỉ
  - Luận án tiến sĩ: ..... tín chỉ

**c) Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ:** phải hoàn thành các môn học của chương trình đào tạo thạc sĩ và các nội dung của chương trình đào tạo tiến sĩ.

- Tổng số tín chỉ phải tích lũy: ..... tín chỉ,  
trong đó:
- Khối kiến thức bổ sung: ..... tín chỉ
    - + Khối kiến thức chung (bắt buộc):..... tín chỉ
    - + Khối kiến thức nhóm chuyên ngành: ..... tín chỉ
      - Bắt buộc: ..... tín chỉ
      - Tự chọn: ..... tín chỉ
    - + Khối kiến thức chuyên ngành:..... tín chỉ
      - Bắt buộc: ..... tín chỉ
      - Tự chọn: ..... tín chỉ
  - Ngoại ngữ học thuật nâng cao: ..... tín chỉ
  - Các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan:

- + Chuyên đề bắt buộc: ..... tín chỉ
- + Chuyên đề tự chọn: ..... tín chỉ
- + Tiểu luận tổng quan: ..... tín chỉ
- Luận án tiến sĩ:..... tín chỉ

## 2. Khung chương trình

### 2.1. Khung chương trình dành cho NCS từ cử nhân

	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ: TS (LL/ThH/TH)*	Mã số các môn học tiên quyết
<b>PHẦN 1. KHỐI KIẾN THỨC BỔ SUNG (CÁC MÔN HỌC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ)</b>					
<b>I.</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>				
1.					
2.					
<b>II.</b>	<b>Khối kiến thức nhóm chuyên ngành</b>				
<i>II.1.</i>	<i>Các môn học bắt buộc</i>				
3.					
4.	.....				
<i>II.2.</i>	<i>Các môn học tự chọn</i>				
5.					
6.	.....				
<b>III.</b>	<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>				
<i>III.1.</i>	<i>Các môn học bắt buộc</i>				

	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ: TS (LL/ThH/TH)*	Mã số các môn học tiên quyết
7.	.....				
<b>III.2. Các môn học tự chọn</b>					
8.	.....				
<b>PHẦN 2. NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ KĨ NĂNG SỬ DỤNG NGOẠI NGỮ THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN</b>					
9.					
<b>PHẦN 3. CÁC CHUYÊN ĐỀ TIÊN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN</b>					
<b>I.</b>	<b>Các chuyên đề bắt buộc</b>				
10.	.....				
<b>II.</b>	<b>Các chuyên đề tự chọn</b>				
11.	.....				
<b>III.</b>	<b>Tiểu luận tổng quan</b>				
<b>PHẦN 4. LUẬN ÁN TIÊN SĨ</b>					
12.		Luận án tiến sĩ			
<b>Tổng cộng:</b>					

**Ghi chú:** \* Tổng số giờ tín chỉ (số giờ tín chỉ lên lớp/số giờ tín chỉ thực hành/số giờ tín chỉ tự học)

## 2.2. Khung chương trình dành cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần

	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ: TS (LL/ThH/TH)*	Mã số các môn học tiên quyết
<b>PHẦN 1. KHỐI KIẾN THỨC BỔ SUNG</b>					
<i>I.1.</i>	<i>Các môn học bắt buộc</i>				
1.					
2.	.....				
<i>I.2.</i>	<i>Các môn học tự chọn</i>				
3.					
4.	.....				
<b>PHẦN 2. NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ KĨ NĂNG SỬ DỤNG NGOẠI NGỮ THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN</b>					
5.					
<b>PHẦN 3. CÁC CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN</b>					
<b>I.</b>	<b>Các chuyên đề bắt buộc</b>				
6.					
7.					
<b>II.</b>	<b>Các chuyên đề tự chọn</b>				

	<b>Mã môn học</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Số giờ tín chỉ: TS (LL/ThH/TH)*</b>	<b>Mã số các môn học tiên quyết</b>
8.					
9.					
<b>III.</b>	<b>Tiểu luận tổng quan</b>				
<b>PHẦN 4. LUẬN ÁN TIẾN SĨ</b>					
10.		Luận án tiến sĩ			
<b>Tổng cộng:</b>					

**Ghi chú:** \* Tổng số giờ tín chỉ (số giờ tín chỉ lên lớp/số giờ tín chỉ thực hành/số giờ tín chỉ tự học)

### 2.3. Khung chương trình dành cho NCS có bằng thạc sĩ ngành đúng hoặc phù hợp

	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ: TS (LL/ThH/TH)*	Mã số các môn học tiên quyết
<b>PHẦN 1. NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ KĨ NĂNG SỬ DỤNG NGOẠI NGỮ THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN</b>					
1.					
<b>PHẦN 2. CÁC CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN</b>					
<b>I.</b>	<b>Các chuyên đề bắt buộc</b>				
2.					
3.					
<b>II.</b>	<b>Các chuyên đề tự chọn</b>				
4.					
<b>III.</b>	<b>Tiểu luận tổng quan</b>				
<b>PHẦN 3. LUẬN ÁN TIẾN SĨ</b>					
5.		Luận án tiến sĩ			
<b>Tổng cộng:</b>					

**Ghi chú:** \* Tổng số giờ tín chỉ (số giờ tín chỉ lên lớp/số giờ tín chỉ thực hành/số giờ tín chỉ tự học)



**3. Tài liệu tham khảo** (ghi theo thứ tự trong Khung chương trình dành cho NCS từ cử nhân)

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo
				(1. Tài liệu bắt buộc, 2. Tài liệu tham khảo thêm)
1.				<b>1. Tài liệu bắt buộc</b> - ..... <b>2. Tài liệu tham khảo thêm</b> - ....
2.				
3.				
4.				
5.				

**4. Đội ngũ cán bộ giảng dạy** (ghi theo thứ tự trong Khung chương trình dành cho NCS từ cử nhân)

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
1.							
2.							
3.							
4.							
...							

## 5. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

- a) Đối với NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp
- b) Đối với NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần (có ghi những môn học phải học bổ sung)
- c) Đối với NCS từ cử nhân (có ghi những môn học phải học bổ sung)

## 6. So sánh chương trình đào tạo đã xây dựng với chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài (đã sử dụng để xây dựng chương trình)

- a) Giới thiệu về chương trình được sử dụng để xây dựng chương trình:
  - Tên chương trình (tên ngành/chuyên ngành), tên văn bằng sau khi tốt nghiệp
  - Tên cơ sở đào tạo, nước đào tạo
  - Xếp hạng của cơ sở đào tạo, ngành/chuyên ngành đào tạo.,

- b) Bảng so sánh chương trình đào tạo

STT	Tên môn học trong chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Tên môn học trong chương trình đào tạo của đơn vị (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Thuyết minh về những điểm giống và khác nhau giữa các môn học của 2 chương trình đào tạo
1.			
2.			
3.			

**Phụ lục 3- MẪU ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC/CHUYÊN ĐỀ**  
*(Kèm theo Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo  
ban hành theo Quyết định số 1366/QĐ- ĐHQGHN, ngày 25 tháng 04 năm 2012  
của Giám đốc ĐHQGHN)*

---

**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC/CHUYÊN ĐỀ**

.....

*(Ghi tên môn học/chuyên đề)*

1. Mã môn học/chuyên đề: .....
2. Số tín chỉ: .....
3. Môn học tiên quyết: .....
- .....
4. Ngôn ngữ giảng dạy: .....
5. Giảng viên (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác): .....
- .....
6. Mục tiêu môn học/chuyên đề (kiến thức, kỹ năng, thái độ): .....
- .....
- .....
7. Phương pháp kiểm tra đánh giá: .....
- .....
- .....
8. Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, năm xuất bản): .....
- .....
- .....
9. Tóm tắt nội dung môn học (mỗi môn học tóm tắt khoảng 120 từ): .....
- .....
- .....
10. Nội dung chi tiết môn học/chuyên đề (trình bày các chương, mục, tiểu mục...):  
.....  
.....

## Phụ lục 4- CÁC MẪU KÊ KHAI ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

(Kèm theo Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo  
ban hành theo Quyết định số 1366/QĐ-ĐHQGHN, ngày 25 tháng 04 năm 2012  
của Giám đốc ĐHQGHN)

### Mẫu 1: Đội ngũ cán bộ tham gia đào tạo về chuyên ngành xin mở thuộc biên chế của ĐHQGHN

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ, cơ quan công tác hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)

### Mẫu 2: Các công trình KH đã công bố trong 5 năm trở lại đây phù hợp với chuyên ngành xin mở của cán bộ thuộc biên chế của ĐHQGHN (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố

### Mẫu 3: Các đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo do giảng viên của đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

Số TT	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu

### Mẫu 4: Trang thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo về chuyên ngành xin mở của đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo

Số TT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Tên môn học sử dụng thiết bị

**Mẫu 5: Sách, tạp chí phục vụ cho công tác đào tạo về chuyên ngành xin mở có trong thư viện của đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo và Trung tâm Thông tin Thư viện của ĐHQGHN**

Số TT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên môn học sử dụng sách, tạp chí

**Mẫu 6: Các hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành đã tổ chức tại đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo trong vòng 5 năm trở lại đây**

STT	Tên hội nghị, hội thảo	Số lượng đại biểu/ đại biểu nước ngoài	Số lượng báo cáo	Địa điểm và thời gian tổ chức

**Mẫu 7: Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn, luận án và số lượng học viên, NCS có thể tiếp nhận**

Số TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, học hàm người người có thể hướng dẫn hoặc viên cao học, NCS	Số lượng học viên cao học, NCS có thể tiếp nhận

## **Phụ lục 5: HỒ SƠ CÁN BỘ THAM GIA GIẢNG DẠY**

*(Kèm theo Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo ban hành theo Quyết định số 1366/QĐ-ĐHQGHN, ngày 25 tháng 04 năm 2012 của Giám đốc ĐHQGHN)*

Mẫu 1: Lí lịch khoa học của cán bộ

### **LÍ LỊCH KHOA HỌC**

*(Dùng cho cán bộ tham gia đào tạo đại học và sau đại học ở ĐHQGHN)*

#### **I. LÍ LỊCH SƠ LƯỢC**

Họ và tên:	Giới tính:	
Ngày, tháng, năm sinh:	Nơi sinh:	
Quê quán:	Dân tộc:	
Học vị cao nhất:	Năm, nước nhận học vị:	
Chức danh khoa học cao nhất:	Năm bổ nhiệm:	
Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu):		
Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu):		
Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:		
Điện thoại liên hệ: CQ:	NR:	DD:
Fax:	Email:	

#### **II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO**

##### **1. Đại học:**

Hệ đào tạo:	
Nơi đào tạo:	
Ngành học:	
Nước đào tạo:	Năm tốt nghiệp:
Bằng đại học 2:	Năm tốt nghiệp:

##### **2. Sau đại học**

- Thạc sĩ chuyên ngành:	Năm cấp bằng:
Nơi đào tạo:	
- Tiến sĩ chuyên ngành:	Năm cấp bằng:
Nơi đào tạo:	
- Tên luận án:	

- 3. Ngoại ngữ:** 1.  
2.

Mức độ sử dụng:

Mức độ sử dụng:

### III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm

### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài

2. Các công trình khoa học đã công bố: (tên công trình, năm công bố, nơi công bố...)

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí

Xác nhận của  
cơ quan chủ quản

....., ngày tháng năm

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

Mẫu 2: Văn bản đồng ý tham gia đào tạo

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---

Hà Nội, ngày      tháng      năm

**Kính gửi:** .....

(Ghi tên đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo )

Tên tôi là: .....(ghi họ tên cán bộ tham gia đào tạo)

Công tác tại: .....(ghi tên đơn vị chủ quản)

Tôi đã nhận được thư của ..... (ghi tên đơn vị) mời tham gia đào tạo đại học/sau  
đại học chuyên ngành.....

thuộc ngành.....tại.....(ghi tên đơn vị)

Tôi đồng ý tham gia giảng dạy và hướng dẫn nghiên cứu môn/chuyên  
đề:.....(ghi tên môn học/chuyên đề)

tại .....(ghi tên đơn vị)

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

**Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CHỦ QUẢN**

Cơ quan:.....(ghi tên cơ quan chủ quản)

Đồng ý cho: .....(ghi tên cán bộ)

tham gia đào tạo môn/chuyên đề:

.....(ghi tên môn học/chuyên đề)

tại: .....(ghi tên đơn vị)

Số buổi/01 tuần: .....trong thời gian từ

..... đến.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

(Kí tên, đóng dấu)

**KÍ TÊN**

(Cán bộ kí và ghi rõ họ tên)